

Số: 22 /NQ-HĐND

Biên Hoà, ngày 03 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung tỷ lệ 1/10.000 thành phố
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA KHÓA XII
KỶ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội khóa XIV;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 của Quốc hội khóa XII kỳ họp thứ 5;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị Định 39/2010/ NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về

việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD);

Căn cứ Nghị quyết số 694/NQ-UBTVQH14 ngày 10/5/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính và thành lập một số đơn vị hành chính đô thị cấp xã thuộc tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 18/12/2020 của Thành ủy Biên Hòa về Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Biên Hòa lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 2076/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng TPHCM đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2488/QĐ-TTg ngày 30/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận thành phố Biên Hòa là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-TTg ngày 14/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 3461/QĐ-TTg ngày 4/11/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH thành phố Biên Hòa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 23/5/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 25/7/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Điều chỉnh tổng thể QHC thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 3413/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Điều chỉnh cục bộ QHCXD tỷ lệ 1/10000 thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Điều chỉnh cục bộ QHCXD tỷ lệ 1/10000 thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giai đoạn đến năm 2020 và giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 62/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 1299/TTg-CN ngày 24/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (phạm vi tại phường Long Bình);

Xét tờ trình số 10853/TTr-UBND ngày 29/7/2021 của UBND thành phố Biên Hòa về nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung tỷ lệ 1/10.000 thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra số 21/BC-HĐND ngày 29/7/2021 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND thành phố và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND thành phố tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thống nhất Tờ trình số 10853/TTr-UBND ngày 29/7/2021 của UBND thành phố Biên Hòa về nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung tỷ lệ 1/10.000 thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể như sau:

1. Các chỉ tiêu phát triển

1.1 Chỉ tiêu sử dụng đất:

- 30% quỹ đất, tương đương 8.000ha dành cho bảo tồn tự nhiên, trong đó bao gồm: Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối; Rừng phòng hộ; Đất nông nghiệp và dự trữ phát triển.

- 70% quỹ đất, tương đương hơn 18.000ha dành cho phát triển đô thị, trong đó đất nông nghiệp chuyển đổi sang phát triển đô thị khoảng 1.200-1.500ha.

TT	Loại đất	Đơn vị tính	Theo QHC 2014	Đề xuất điều chỉnh QHC	
			Năm 2030	Năm 2030	Năm 2050
1	Đất dân dụng	m ² /ng	85-90	70-80	60-70
-	Đất công trình công cộng	m ² /ng	8-10	7-9	6-8
-	Đất đơn vị ở đô thị	m ² /ng	40-45	35-40	30-35
-	Cây xanh công cộng cấp đô thị	m ² /ng	8-10	6-8	6-8
-	Giao thông	m ² /ng	18-20	18-20	18-20

1.2 Chỉ tiêu hạ tầng xã hội:

- Sàn nhà ở:

+ Năm 2030: 28-30 m²/người

+ Năm 2050: 30-32 m²/người

- Phục vụ công cộng cấp đô thị:

+ Giáo dục đào tạo cấp đô thị: 20-30 cơ sở; 10m²/học sinh; 25m²/sinh viên;

+ Y tế cấp đô thị: 4 giường/1000 dân; 100m²/giường;

+ Văn hóa cấp đô thị: 14 – 16 cơ sở.

+ Thương mại, dịch vụ cấp đô thị : 14 – 16 cơ sở.

+ Dịch vụ công cộng: 4-5 m²/người.

+ Thể dục thể thao: 10-12 cơ sở; 2-3 m²/người.

+ Đất cây xanh đô thị: 6-10 m²/người. Trong đó, đất cây xanh công cộng khu vực nội thị đạt từ 4 - 6 m²/người.

1.3. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

TT	Loại hình	Đơn vị tính	Theo QHC	Đề xuất	
			2014	điều chỉnh QHC	
			Năm	Năm	Năm
			2030	2030	2050
1	Cao độ nền và thoát nước mặt				
-	Chu kỳ lặp lại mực nước ngập tính toán	năm	≥ 100	≥ 100	≥ 100
-	Chu kỳ lặp lại trận mưa gây tràn cống tối thiểu Kênh, mương	năm	-	≥ 10	≥ 10
2	Giao thông				
-	Tỷ lệ diện tích đất giao thông (tính đến đường liên khu vực)	%	-	≥ 6	≥ 6
-	Mật độ mạng lưới đường (tính đến đường chính khu vực)	km/km ²	-	4-6,5	4-6,5
-	Chỉ tiêu diện tích bãi đỗ xe	m ² /người	3,5	≥ 4	≥ 4
3	Cấp nước				
-	Nước sinh hoạt cho dân cư nội thị	l/người/ng.đ	≥ 150-180	≥ 150	≥ 180
-	Nước sinh hoạt cho dân cư ngoại thành, khách vãng lai	l/người/ng.đ	-	≥ 80	≥ 80
-	Nước tưới cây rửa đường	%Qsh	≥ 8	≥ 8	≥ 8
-	Nước cho SX nhỏ, tiểu thủ CN	%Qsh	-	≥ 8	≥ 8
-	Nước công nghiệp tập trung	m ³ /ha-ngđ	25-30	≥ 20	≥ 20
-	Nước cho CTCC, dịch vụ	%Qsh	≥ 15	≥ 10	≥ 10
4	Cấp điện				
-	Phụ tải điện sinh hoạt	W/người	≥ 700	≥ 500	≥ 700
-	Phụ tải điện công trình công cộng (tính bằng % phụ tải điện sinh hoạt)	%	≥ 40	≥ 40	≥ 40

TT	Loại hình	Đơn vị tính	Theo QHC	Đề xuất	
			2014	điều chỉnh QHC	
			Năm	Năm	Năm
			2030	2030	2050
-	Phụ tải điện công nghiệp	KW/ha	160 - 350	≥ 160	≥ 160
-	Phụ tải điện sản xuất TTCN	KW/ha	-	≥ 120	≥ 120
-	Phụ tải điện kho tàng	KW/ha	-	≥ 50	≥ 50
5	Thoát nước thải				
-	Chỉ tiêu thoát nước thải	% chỉ tiêu nước cấp	≥ 80	≥ 80	≥ 80
6	Thông tin liên lạc				
-	Thuê bao cố định	Thuê bao/100 dân	-	≥ 30	≥ 30
-	Thuê bao di động	Thuê bao/100 dân	-	≥ 80	≥ 80
-	Thuê bao Internet	Thuê bao/100 dân	-	≥ 25	≥ 25
-	Tín hiệu truyền hình cáp	% hộ dân	-	100	100
7	Vệ sinh môi trường				
-	Rác thải sinh hoạt	Kg/người/ngày	1-1,2	≥ 1,3	≥ 1,3
-	Rác thải công nghiệp	Tấn/ha	≥ 0,2	≥ 0,3	≥ 0,3
8	Nghĩa trang, nhà tang lễ				
-	Nghĩa trang	Ha/1000 dân	-	≥ 0,04	≥ 0,04
-	Nhà tang lễ	Nhà /250.000 dân	-	≥ 1	≥ 1

2. Quy mô dân số, tỷ lệ đô thị hóa

- Năm 2030: Dân số khoảng 1.350.000 - 1.400.000 người, tỷ lệ tăng trưởng đạt khoảng 2,2%/năm trong toàn giai đoạn. Trong đó, dân số tăng tự nhiên đạt 1.200.000 người, tăng cơ học 150.000 - 200.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 100%.

- Năm 2050: Dân số toàn thành phố ổn định khoảng 2.000.000 người, tỷ lệ tăng trưởng đạt khoảng 1,98%/năm trong toàn giai đoạn. Trong đó, dân số tăng tự nhiên đạt 1.600.000 người, tăng cơ học do phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch, đào tạo là 400.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 100%.

3. Quy mô đất đai:

Tổng diện tích đất tự nhiên là: 26.362ha. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất đô thị:

- Đến năm 2030: đất xây dựng đô thị khoảng 17.000ha chỉ tiêu 125m²/ng. Trong đó đất dân dụng khoảng 9.500ha, chỉ tiêu 70 m²/ng.

- Đến năm 2050: đất xây dựng đô thị khoảng 20.000ha chỉ tiêu 100m²/ng. Trong đó đất dân dụng khoảng 10.000 ha, chỉ tiêu 55-60 m²/ng.

4. Giải pháp thực hiện:

Việc điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung tỷ lệ 1/10.000 thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sẽ trở thành thành phố kinh tế phát triển tiện nghi hiện đại, thân thiện với tự nhiên, có bản sắc văn hóa, bô

sung thêm quỹ đất phát triển đô thị, bổ sung thêm quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, nhà ở chung cư đáp ứng nhu cầu ở của người lao động trên địa bàn thành phố. Khi triển khai quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết, đồ án sẽ bổ sung thêm hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, kiến trúc cảnh quan, môi trường đô thị trong lành, an ninh quốc phòng vững mạnh cho đồng bộ với việc phát triển dân số đảm bảo theo chỉ tiêu thành phố đô thị loại I. HĐND thành phố thống nhất với những nội dung và giải pháp điều chỉnh quy hoạch đã nêu trong tờ trình số 10853, ngày 29/7/2021 của UBND thành phố Biên Hòa, Sau khi được HĐND thành phố thông qua và được phê duyệt điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung, đề nghị UBND thành phố cần phải xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện theo từng giai đoạn nhằm đáp ứng các tiêu chí cho một đô thị loại I và có đặc trưng cảnh quan sông nước đặc sắc trên địa bàn thành phố.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND thành phố Biên Hòa căn cứ các quy định hiện hành để tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

2. Thường trực HĐND thành phố, các Ban HĐND thành phố và các đại biểu HĐND thành phố thường xuyên giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban MTTQVN thành phố, các tổ chức thành viên giám sát và vận động nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được HĐND thành phố Biên Hòa khóa XII, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 03/8/2021 và có hiệu lực kể từ ngày HĐND thành phố thông qua/.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh Đồng Nai;
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh (đơn vị Biên Hòa);
- Thường trực Thành ủy-HĐND-UBND-UBMTTQVN Tp;
- Các Đại biểu HĐND thành phố khóa XII;
- Chánh, các Phó chánh VP.HĐND-UBND thành phố;
- Các phòng, ban, đơn vị và đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND 30 phường xã;
- Trung tâm Văn hóa, Thông tin - Thể thao thành phố;
- Lưu VT (Quang)

